

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tấn Tài

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã yêu cầu ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện U Minh giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2019. Đến ngày 30/01/2020 chị và anh B đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Do vợ chồng tiếp tục có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, anh B thường xuyên xúc phạm chị, vợ chồng không tôn trọng và nhường nhịn nhau nên thường xảy ra cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay

gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Văn N1 sinh ngày 10/3/2001, Huỳnh Tiết X sinh ngày 23/4/2002, Huỳnh Tiết T sinh ngày 29/6/2004. Huỳnh Tiết X và Huỳnh Văn N1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu, Huỳnh Tiết T hiện đang sống chung với anh B. Sau khi ly hôn cháu T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, nếu muốn sống với chị thì chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Huỳnh Văn B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Văn B, giao cháu Huỳnh Tiết T cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng; về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Trần Thị N và anh Huỳnh Văn B tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị N yêu cầu được ly hôn với anh B do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với anh B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng, tình nghĩa vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh B.

Về nuôi con chung: Chị N và anh B có 03 người con chung tên Huỳnh Văn N1 sinh ngày 10/3/2001, Huỳnh Tiết X sinh ngày 23/4/2002, Huỳnh Tiết T sinh ngày 29/6/2004. Cháu Nhí và cháu Xuân hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Huỳnh Tiết T, chị N xác định tôn trọng nguyện vọng của cháu, trường hợp cháu T sống với chị thì chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Tại biên bản xác minh ngày 30/7/2020 thể hiện anh B và cháu T đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ cụ thể nên Tòa án không thể làm việc để ghi nhận nguyện vọng của cháu T. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét trước đây giữa chị N và anh B đã thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện U Minh ghi nhận bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2019. Tại Quyết định này thể hiện cháu T đang sống cùng với anh B, chị N và anh B đã thỏa thuận giao cháu T cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi con chung khi ly hôn cần giao cháu Huỳnh Tiết T cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị N và anh B có phát sinh tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với anh B không có văn bản thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N xin ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Tiết T (nữ) sinh ngày 29/6/2004 cho anh Huỳnh Văn B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004947 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị N, anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã N, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý